UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ NỘI VỤ

Số: 653/SNV-TCBC
V/v báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 10/NQ-CP và Chương trình số 27-CTr/TU.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 04 tháng 5 năm 2018

Kính gửi:
- Các Sở, ban, ngành;
- Đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 2970/UBND-TH, ngày 16/4/2018 về việc báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 Khóa XII; theo đó, giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh báo cáo Chính phủ định kỳ 6 tháng, năm kết quả thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017, Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW; Kế hoạch số 07-KH/TW; Nghị quyết số 56/2017/QH14 và Chương trình số 27-CTr/TU ngày 10/4/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW.

Để có cơ sở tham mưu UBND tỉnh theo quy định, Sở Nội vụ đề nghị các Sở, ban, ngành; Đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai xây dựng báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 10/NQ-CP; Chương trình số 27-CTr/TU và Kế hoạch của UBND tỉnh; trong đó, thống kê đầy đủ, rõ ràng và đánh giá đúng những nhiệm vụ đã làm được, chưa làm được so với tiến độ đề ra từng nhiệm vụ; những hạn chế, vướng mắc trong quá trình thực hiện, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm, nhiệm vụ thời gian đến; những kiến nghị, đề xuất. Đồng thời, căn cứ số liệu thực tế của cơ quan, đơn vị, thống kê chính xác, đầy đủ số liệu theo Phụ lục Ib, IIb được đăng tải trên Website của Sở Nội vụ địa chỉ: **www.sonoivu.daklak.gov.vn** tại mục **góp ý dự thảo các văn bản**.

Nhận được Công văn này, đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phối hợp triển khai và gửi văn bản báo cáo về Sở Nội vụ theo định kỳ 6 tháng, năm (trước 20/5 và 20/11 hàng năm) kèm file mềm theo địa chỉ: **Phongtcbmdt@noivu.daklak.gov.vn** . Riêng báo cáo 6 tháng đầu năm 2018, các đơn vị gửi trước **ngày 16/5/2018,** để Sở Nội vụ tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo cấp có thẩm quyền đúng thời gian quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc;
- Lưu: VT, TCBC(Th)

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NỘI VỤ
TỈNH ĐẮK LẮK

Miên Klơng

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ....

PHỤ LỤC IIb

SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC (BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP), HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP (HỢP ĐỒNG 68), HỢP ĐỒNG LÀM CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ VÀ DỰ KIẾN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

(Kèm theo Công văn số 653 /SNV-TCBC ngày 04/ 5 /2018 của Sở Nội vụ)

STT	Tên đơn vị sự nghiệp	Số giao năm 201...			Có mặt 31/12/201...				Được giao 201...			Có mặt đến thời điểm 30/4 hoặc 31/10 năm 201...						Mức độ tự chủ về tài chính năm 201...	Dự kiến sắp xếp, tổ chức lại						
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó						Giữ nguyên	Sáp nhập, hợp nhất	Giải thể	Chuyển sang tự chủ chi ĐT, chi TX	Chuyển sang tự chủ chi thường xuyên	Chuyển sang tự chủ một phần chi TX	Do Ngân sách nhà nước bảo đảm
			Biên chế sự nghiệp	Hợp đồng 68		Công chức, viên chức	Hợp đồng 68	HĐ làm chuyên môn, nghiệp vụ		Biên chế sự nghiệp	Hợp đồng 68		Cấp trưởng	Số cấp phó	Viên chức	Hợp đồng 68	HĐ làm chuyên môn, nghiệp vụ							
A	*B*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*	*(18)*	*(19)*	*(20)*	*(21)*	*(22)*	*(23)*	*(24)*
	Tổng cộng																								
I	**Sự nghiệp giáo dục và đào tạo**																								
1	***Trường đại học, học viện***																								
1.1.	Trường....																								
...	....																								
2	***Trường cao đẳng***																								
2.1.	Trường ...																								
...	....																								
3	***Trường trung cấp***																								
3.1.	Trường																								
...	.....																								
4	***Trung tâm***																								
4.1.	Trung tâm																								
...	....																								
5	***Trường trung học phổ thông***																								

STT	Tên đơn vị sự nghiệp	Số giao năm 201...			Có mặt 31/12/201...				Được giao 201...			Có mặt đến thời điểm 30/4 hoặc 31/10 năm 201...						Mức độ tự chủ về tài chính năm 201...	Dự kiến sắp xếp, tổ chức lại						
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó						Giữ nguyên	Sáp nhập, hợp nhất	Giải thể	Chuyển sang tự chủ chi ĐT, chi TX	Chuyển sang tự chủ chi thường xuyên	Chuyển sang tự chủ một phần chi TX	Do Ngân sách nhà nước bảo đảm
			Biên chế sự nghiệp	Hợp đồng 68		Công chức, viên chức	Hợp đồng 68	HĐ làm chuyên môn, nghiệp vụ		Biên chế sự nghiệp	Hợp đồng 68		Cấp trưởng	Số cấp phó	Viên chức	Hợp đồng 68	HĐ làm chuyên môn, nghiệp vụ							
A	*B*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*	*(18)*	*(19)*	*(20)*	*(21)*	*(22)*	*(23)*	*(24)*
5.1.	Trường																								
...																									
6	***Trường trung học cơ sở***																								
6.1.	Trường																								
...	...																								
7	***Trường tiểu học***																								
7.1.	Trường ...																								
...	...																								
8	***Trường mầm non***																								
8.1.	Trường ...																								
...	...																								
II	**Sự nghiệp Y tế**																								
1.	***Bệnh viện***																								
1.1.	Bệnh viện ...																								
	...																								
2.	***Trung tâm***																								
	.....																								
III	**Sự nghiệp khoa học**																								

STT	Tên đơn vị sự nghiệp	Số giao năm 201...			Có mặt 31/12/201...				Được giao 201...			Có mặt đến thời điểm 30/4 hoặc 31/10 năm 201...						Mức độ tự chủ về tài chính năm 201...	Dự kiến sắp xếp, tổ chức lại						
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó						Giữ nguyên	Sáp nhập, hợp nhất	Giải thể	Chuyển sang tự chủ chi ĐT, chi TX	Chuyển sang tự chủ chi thường xuyên	Chuyển sang tự chủ một phần chi TX	Do Ngân sách nhà nước bảo đảm
			Biên chế sự nghiệp	Hợp đồng 68		Công chức, viên chức	Hợp đồng 68	HĐ làm chuyên môn, nghiệp vụ		Biên chế sự nghiệp	Hợp đồng 68		Cấp trưởng	Số cấp phó	Viên chức	Hợp đồng 68	HĐ làm chuyên môn, nghiệp vụ							
A	*B*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*	*(18)*	*(19)*	*(20)*	*(21)*	*(22)*	*(23)*	*(24)*
1.	Đơn vị ...																								
...	....																								
IV	**Sự nghiệp VH, TT, TDTT**																								
1.	Đơn vị ...																								
...	...																								
V	**Sự nghiệp khác**																								
.	Đơn vị ...																								
...	....																								

Ghi chú:

- Cột 17 ghi cụ thể theo từng loại tự chủ: Chi đầu tư và chi thường xuyên; chi thường xuyên; tự chủ một phần chi thường xuyên và do NSNN bảo đảm chi thường x
- Từ cột 1 đến cột 16 ghi số người. Từ cột 18 đến cột 24 đánh dấu (x), đồng thời làm rõ trong báo cáo về việc dự kiến hợp nhất, sáp nhập, giải thể các đơn vị này.
- Từ cột 8 đến cột 17: số liệu của năm báo cáo; từ cột 1 đến cột 7: số liệu của năm trước liền kề (ví dụ từ cột 8 đến cột 17: năm 2018 thì từ cột 1 đến cột 7: năm 201

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ....

PHỤ LỤC Ib

BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC, HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP (HỢP ĐỒNG 68), HỢP ĐỒNG LÀM CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ VÀ DỰ KIẾN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Công văn số 653/SNV-TCBC ngày 04/5 /2018 của Sở Nội vụ)

STT	Tên gọi tổ chức	Số giao năm 201...			Có mặt 31/12/201...				Số giao 201...			Có mặt tại thời điểm 30/4 (hoặc 31/10) năm 201...						Dự kiến sắp xếp, tổ chức lại		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó					Giữ nguyên	Sáp nhập, hợp nhất	Giải thể
			Biên chế công chức	Hợp đồng 68		Công chức	Hợp đồng 68	HĐ làm chuyên môn, nghiệp vụ		Biên chế công chức	Hợp đồng 68		Cấp trưởng	Số cấp phó	Công chức	Hợp đồng 68	HĐ làm chuyên môn, nghiệp vụ			
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
	Tổng cộng																			
I	**Cấp tỉnh**																			
1.	**Lãnh đạo UBND tỉnh**																			
2.	**Lãnh đạo HĐND tỉnh**																			
3.	**Các cơ quan cấp tỉnh**																			
3.1.	***Văn phòng UBND tỉnh***																			
a	Lãnh đạo																			
b	Phòng ...																			
3.2.	***Văn Phòng HĐND tỉnh***																			
a	Lãnh đạo																			
b	Phòng																			
3.3.	***Văn phòng Đoàn ĐBQH***																			
a	Lãnh đạo																			
b	Phòng																			

STT	Tên gọi tổ chức	Số giao năm 201...			Có mặt 31/12/201...				Số giao 201...			Có mặt tại thời điểm 30/4 (hoặc 31/10) năm 201...						Dự kiến sắp xếp, tổ chức lại		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó					Giữ nguyên	Sáp nhập, hợp nhất	Giải thể
			Biên chế công chức	Hợp đồng 68		Công chức	Hợp đồng 68	HĐ làm chuyên môn, nghiệp vụ		Biên chế công chức	Hợp đồng 68		Cấp trưởng	Số cấp phó	Công chức	Hợp đồng 68	HĐ làm chuyên môn, nghiệp vụ			
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
	.....																			
3.4.	***Sở....***																			
a	Lãnh đạo																			
b	Phòng																			
	.....																			
...	Ban...																			
	Lãnh đạo																			
	Phòng																			
	.....																			
3.5	***Sở ....***																			
a	Lãnh đạo																			
b	Phòng																			
	.....																			
...	**Ban...**																			
	Lãnh đạo																			
	Phòng																			
	.....																			
	.....																			
...	**Các tổ chức hành chính khác**																			
...	....																			
II	**Cấp huyện**																			

STT	Tên gọi tổ chức	Số giao năm 201...			Có mặt 31/12/201...				Số giao 201...			Có mặt tại thời điểm 30/4 (hoặc 31/10) năm 201...						Dự kiến sắp xếp, tổ chức lại		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó							
			Biên chế công chức	Hợp đồng 68		Công chức	Hợp đồng 68	HĐ làm chuyên môn, nghiệp vụ		Biên chế công chức	Hợp đồng 68		Cấp trưởng	Số cấp phó	Công chức	Hợp đồng 68	HĐ làm chuyên môn, nghiệp vụ	Giữ nguyên	Sáp nhập, hợp nhất	Giải thể
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
1	***Huyện...***																			
1.1.	Lãnh đạo UBND, HĐND																			
1.2.	Văn phòng																			
1.3.	Phòng																			
	.....																			
2	***Huyện....***																			
2.1.	Lãnh đạo UBND, HĐND																			
2.2	Văn phòng																			
2.3	Phòng																			
	.....																			
...	***Tổ chức hành chính khác***																			
	.....																			

Ghi chú:

- Từ cột 1 đến cột 16 ghi số người. Từ cột 17 đến cột 19 đánh dấu (x), đồng thời làm rõ trong báo cáo về việc dự kiến hợp nhất, sáp nhập, giải thể các tổ chức này.
- Từ cột 8 đến cột 16: số liệu của năm báo cáo; từ cột 1 đến cột 7: số liệu của năm trước liền kề (ví dụ từ cột 7 đến cột 16: năm 2018 thì từ cột 1 đến cột 6: năm 201